

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình:

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Giáo dục Thể chất (Physical Education)

Mã ngành: 51140206

Loại hình đào tạo: Chính quy

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHPVĐ ngày ... tháng 9 năm 2012 của
Hiệu trưởng trường Đại học Phạm Văn Đồng)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất bậc Trung học cơ sở, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của ngành giáo dục và xã hội. Đó là những người có phẩm chất chính trị tốt, thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ công dân và có phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong của nhà giáo; có kiến thức, kỹ năng giao tiếp, tìm hiểu người học và môi trường giáo dục để dạy học và giáo dục phù hợp, tổ chức tốt quá trình giáo dục hướng đến phát triển toàn diện nhân cách người học, đáp ứng được yêu cầu dạy học bộ môn; có kiến thức, kỹ năng tham gia, vận động, tuyên truyền và tổ chức các hoạt động xã hội; có kỹ năng tự đánh giá, tự học và nghiên cứu khoa học để phát triển nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của giáo dục phổ thông.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Hiểu biết các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, ngoại ngữ, tin học phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

- Vận dụng và sáng tạo các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm và hoạt động Thể dục thể thao, lý luận và phương pháp giảng dạy, huấn luyện các môn thể thao phổ cập, kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý, giáo dục; hình thức tổ chức dạy và học, các nguyên tắc và kỹ thuật thực hiện phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả dạy học môn Giáo dục thể chất ở trường Trung học cơ sở và có hiểu biết về công tác tổ chức, quản lý trong ngành giáo dục, trong nhà trường hiện nay.

- Vận dụng tốt luật thi đấu, công tác trọng tài; công tác tổ chức thi đấu các môn thể thao trong trường học.

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hành, thi phạm tốt tất cả các môn thể thao có trong chương trình đào tạo;

- Sáng tạo trong triển khai các hoạt động thể dục thể thao ở nhà trường;
- Vận dụng thuần thục các phương pháp dạy học đặc thù môn Giáo dục thể chất, các phương pháp theo hướng tích cực hoá người học.
- Sáng tạo trong công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.
- Linh hoạt, ứng xử với học sinh và đồng nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục và xử lý tốt các tình huống sư phạm trong quá trình giảng dạy, huấn luyện;
- Khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên phải đạt tiêu chuẩn tối thiểu là vận động viên cấp 3 ở một môn thể thao tự chọn (nâng cao)

1.2.3. Thái độ

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức của nhà giáo, yêu nghề, yêu học sinh.
- Vận dụng kiến thức đã học tiếp tục nâng cao kiến thức chuyên môn., tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, cập nhật thông tin về đổi mới phương pháp dạy học.
- Có khả năng hợp tác, làm việc hiệu quả, có phương pháp làm việc khoa học, tư duy sáng tạo, khả năng giải quyết công việc độc lập; tự hoàn thiện năng lực nghề nghiệp người giáo viên thể dục thể thao.

1.2.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học

- Có kiến thức tiếng Anh trình độ B.
- Có kiến thức tin học căn bản và sử dụng thành thạo một số phần mềm dạy học.

1.2.5. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng giảng dạy môn Giáo dục thể chất ở các trường Trung học cơ sở; làm công tác chuyên môn về giáo dục thể chất ở các cơ sở quản lý giáo dục ở quận, huyện, thị xã, thành phố. Tham gia các hoạt động thể dục thể thao trong và ngoài trường. Có khả năng tiếp tục học tập lên đại học chuyên ngành Giáo dục thể chất.

2. Thời gian đào tạo: 3 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 114 tín chỉ (*không kể các học phần về Giáo dục quốc phòng - an ninh*)

4. Đối tượng tuyển sinh: Người tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10; điểm học phần được chuyển thành điểm chữ.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Số tín chỉ
7.1.1.	Kiến thức giáo dục đại cương (Không kể các học phần Giáo dục QP - AN)	29
7.1.2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85
7.1.2.1.	Kiến thức cơ sở khối ngành, nhóm ngành và ngành	24
7.1.2.2.	Kiến thức ngành	36
7.1.2.3.	Kiến thức bổ trợ	8
7.1.2.4.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	6
7.1.2.5.	Thực tập và khoá luận tốt nghiệp	11

7.2. Danh mục các học phần

TT	Mã học phần	Khối kiến thức/ tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			29	
A1. Lý luận chính trị			10	
1		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	
2		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	1
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
4		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3
A2. Khoa học xã hội			4	
5		Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	
6		Pháp luật đại cương	2	
A3. Ngoại ngữ			7	
7		Tiếng Anh 1	3	
8		Tiếng Anh 2	2	7
9		Tiếng Anh chuyên ngành Giáo dục thể chất	2	8
A4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường			8	
10		Xác suất thống kê B	2	

11		Tin học đại cương	2	
12		Sinh hoá thể dục thể thao	2	
13		Cơ sinh học thể dục thể thao	2	21
A5. Giáo dục quốc phòng - an ninh			135 t	
14		Giáo dục quốc phòng - an ninh	135 t	
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			85	
B1. Kiến thức cơ sở khối ngành, nhóm ngành và ngành			24	
15		Tâm lý học đại cương	2	
16		Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	3	15
17		Giáo dục học đại cương	2	16
18		Hoạt động dạy học ở trường Trung học cơ sở	2	17
19		Hoạt động giáo dục ở trường Trung học cơ sở	2	17
20		Công tác Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh	2	
21		Giải phẫu học thể dục thể thao	2	
22		Sinh lý học thể dục thể thao	3	21
23		Vệ sinh và y học thể dục thể thao	2	22
24		Tâm lý học thể dục thể thao	2	16
25		Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	2	10
B2. Kiến thức ngành			36	
26		Đại cương về thể dục, thể dục phát triển chung	2	21
27		Thể dục thực dụng, thể dục đồng diễn	2	26
28		Bóng rổ	2	30
29		Chạy cự ly ngắn, chạy tiếp sức	2	30
30		Chạy cự ly trung bình, chạy việt dã	2	
31		Nhảy xa	2	29
32		Nhảy cao	2	29
33		Ném bóng, đẩy tạ	2	
34		Đá cầu	2	
35		Bóng đá	2	30
36		Bóng chuyền	2	29
37		Cầu lông	2	

38		Bơi	2	
39		Cờ vua	2	
40		Trò chơi vận động	2	
41		Võ Vovinam - Việt võ đạo	2	
42		Bóng ném	2	29
43		Bóng bàn	2	29
B3. Kiến thức bổ trợ			8	
Các học phần tự chọn 1: chọn 1 trong 4 học phần			4	
44		Chạy cự ly ngắn	4	
45		Chạy cự ly trung bình	4	
46		Nhảy cao	4	
47		Nhảy xa	4	
Các học phần tự chọn 2: chọn 1 trong 5 học phần			4	
48		Cầu lông	4	
49		Bóng chuyền	4	
50		Bóng đá	4	
51		Bóng bàn	4	
52		Võ Vovinam - Việt võ đạo	4	
B4. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			6	
53		Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 1	2	22
54		Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 2	2	22
55		Rèn luyện nghiệp vụ Giáo dục thể chất	2	
B4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp			11	
56		Thực tập sư phạm 1	2	
57		Thực tập sư phạm 2	4	
58		Khoá luận tốt nghiệp	5	
59		Olympic học và Quản lý chuyên ngành Thể dục thể thao (<i>Học phần thay khoá luận tốt nghiệp 1</i>)	3	
60		Thể dục nhịp điệu (<i>Học phần thay khoá luận tốt nghiệp 2</i>)	2	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			114	

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

Năm học	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại tín chỉ	Giờ lên lớp		Thực tập tại cơ sở	Tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận	Tự học	Học phần tiên quyết
						Lý thuyết	Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận				
Thứ nhất	I	1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	bb	30				60	
		7	Tiếng Anh 1	3	bb	42	6			90	
		10	Xác suất thống kê B	2	bb	30				60	
		21	Giải phẫu học thể dục thể thao	2	bb	28	2			60	
		15	Tâm lý học đại cương	2	bb	30				60	
		12	Sinh hoá thể dục thể thao	2	bb	28	2			60	
		26	Đại cương về thể dục, thể dục phát triển chung	2	bb	5	25			60	21
		38	Bơi	2	bb	3	27			60	
		30	Chạy cự ly trung bình, chạy việt dã	2	bb	5	25			60	
		Cộng				19					
	II	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	bb	45				90	1
		14	Giáo dục quốc phòng - an ninh	135t	bb	117	18				
		8	Tiếng Anh 2	2	bb	28	4			60	7
		11	Tin học đại cương	2	bb	15	30			60	
		16	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	3	bb	45				90	15

		29	Chạy cự ly ngắn, chạy tiếp sức	2	bb	5	25			60	30
		27	Thể dục thực dụng, thể dục đồng diễn	2	bb	5	25			60	26
		22	Sinh lý học thể dục thể thao	3	bb	43	2			90	21
		33	Ném bóng, đẩy tạ	2	bb	5	25			60	
		Cộng		19							
Thứ hai	III	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	bb	30				60	2
		9	Tiếng Anh chuyên ngành Giáo dục thể chất	2	bb	28	4			60	8
		17	Giáo dục học đại cương	2	bb	30				60	16
		18	Hoạt động dạy học ở trường Trung học cơ sở	2	bb	30				60	17
		20	Công tác Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh	2	bb	15	30			60	
		23	Vệ sinh và y học thể dục thể thao	2	bb	28	2			60	22
		31	Nhảy xa	2	bb	5	25			60	29
		37	Cầu lông	2	bb	5	25			60	
		40	Trò chơi vận động	2	bb	5	25			60	
		Cộng		18							
Thứ hai	IV	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	bb	45				90	3
		6	Pháp luật đại cương	2	bb	30				60	
		24	Tâm lý học thể dục thể thao	2	bb	28	2			60	16
		19	Hoạt động giáo dục ở trường Trung học cơ sở	2	bb	30				60	17

		34	Đá cầu	2	bb	5	25			60		
		35	Bóng đá	2	bb	5	25			60	30	
		36	Bóng chuyền	2	bb	5	25			60	29	
		53	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 1	2	bb	28	2			60	22	
		56	Thực tập sư phạm 1	2	bb			90		60		
		Cộng		19								
Thứ ba	V	5	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	bb	30				60		
		55	Rèn luyện nghiệp vụ Giáo dục thể chất	2	bb	20	20			60		
		13	Cơ sinh học thể dục thể thao	2	bb	28	2			60	21	
		43	Bóng bàn	2	bb	5	25			60	29	
		39	Cờ vua	2	bb	15	15			60		
		28	Bóng rổ	2	bb	5	25			60	30	
		32	Nhảy cao	2	bb	5	25			60	29	
		25	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	2	bb	20	10			60	10	
		54	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 2	2	bb	15	15			60	22	
		42	Bóng ném	2	bb	5	25			60	29	
	Cộng		20									
	VI	41	Võ Vovinam - Việt võ đạo	2	bb	5	25			60		
		Các học phần tự chọn 1: Chọn 1 trong 4 học phần 44, 45, 46, 47										
		44	Chạy cự ly ngắn	4	tc	10	50			120		
		45	Chạy cự ly trung bình	4	tc	10	50			120		
46		Nhảy cao	4	tc	10	50			120			

47	Nhảy xa	4	tc	10	50			120	
Các học phần tự chọn: Chọn 1 trong 5 học phần 48, 49, 50, 51, 52									
48	Cầu lông	4	tc	10	50			120	
49	Bóng chuyền	4	tc	10	50			120	
50	Bóng đá	4	tc	10	50			120	
51	Bóng bàn	4	tc	10	50			120	
52	Võ Vovinam - Việt võ đạo	4	tc	10	50			120	
57	Thực tập sư phạm 2	4	bb					180	120
58	Khoá luận tốt nghiệp	5						225	
Các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp									
59	Olympic học và Quản lý chuyên ngành thể dục thể thao	3		45				90	
60	Thể dục nhịp điệu	2		5	25			60	
Cộng		19							
Tổng cộng		114							

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần:

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của Triết học Mác Lênin - Một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là, chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân của thế giới quan khoa học; là phép biện chứng duy vật với tư cách là học thuyết đúng đắn nhất về lý luận nhận thức; là chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là hệ thống các quan điểm duy vật biện chứng về xã hội, các quan điểm này đã làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực và những quy luật chung của sự vận động và phát triển của xã hội loài người.

Thông qua môn học giúp sinh viên hiểu rõ nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng nhất trong thời đại ngày nay để vận dụng vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2 (3 tín chỉ)

Học phần này tiếp tục trang bị cho sinh viên lý luận cơ bản của hai trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin là Kinh tế chính trị Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Bộ phận Kinh tế chính trị cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận về: Giá trị, Giá trị thặng dư, các quy luật của kinh tế thị trường, về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa giúp sinh viên nhận biết bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản.

Bộ phận Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận về: vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về cách mạng xã hội chủ nghĩa – là phương thức để xóa bỏ triệt để chế độ áp bức, bóc lột; về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; quy luật và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Học phần này góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nối tiếp việc hình thành, hoàn thiện thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, phương pháp luận khoa học, Bước đầu xây dựng lý tưởng và niềm tin vào sự nghiệp cách mạng nước ta

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

(2 tín chỉ)

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh một cách hệ thống. Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin đã trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới đất nước. Thực chất tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện thực tiễn sinh động của cách mạng nước ta. Việc học tập môn học này còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, lòng tự hào dân tộc và thái độ tôn trọng, kính yêu lãnh tụ Hồ Chí Minh và là cơ sở để tiếp thu kiến thức học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

(3 tín chỉ)

Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Môn học giúp sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá, nhận định đúng đắn về chủ trương, đường lối của Đảng đối với thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, hiểu rõ sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng ta trong việc đề ra đường lối lãnh đạo cách mạng Việt Nam trên cơ sở nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu thực hiện theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

9.5. Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo

(2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên sự phạm hệ đào tạo chính quy chuyên ngành sư phạm đào tạo giáo viên bậc trung học cơ sở những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu công tác tuyển dụng viên chức giáo viên trung học cơ sở theo quy định hiện hành; Nội dung chính của học phần bao gồm: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước; Quản lý hành chính Nhà nước; Công vụ, công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng & Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của bộ giáo dục và đào tạo đối với giáo dục bậc trung học cơ sở; Thực tiễn giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi.

9.6. Pháp luật đại cương

(2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung và những vấn đề lý luận cơ sở trong khoa học pháp lý Việt Nam; đồng thời giúp sinh viên hiểu biết về một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở kiến thức lý luận cơ bản, cho sinh viên có khả năng nhận biết, phân tích, đánh giá các sự kiện, hành vi, vấn đề từ góc độ pháp lý. Từ hiểu biết về các chế định luật của một số ngành luật cơ bản sinh viên có thể vận dụng vào xử lý những tình huống thiết thực nhất trong thực tiễn đời sống và tự tiếp cận với những ngành luật khác

9.7. Tiếng Anh 1

(3 tín chỉ)

Sinh viên làm quen với mẫu tự, cách phát âm, ngữ điệu của tiếng Anh. Sinh viên biết nói một số câu đơn giản. Sinh viên có thể viết một số câu đơn giản, chia động từ ở thì hiện tại.

9.8. Tiếng Anh 2

(2 tín chỉ)

Sinh viên biết cách hỏi và trả lời câu hỏi. Sinh viên biết cách đề nghị, từ chối, chấp thuận, vạch kế hoạch. Sinh viên có thể viết các câu ghép, chia động từ ở thì tương lai. Sinh viên đạt trình độ A1 của chuẩn Châu Âu.

9.9. Tiếng Anh chuyên ngành Giáo dục thể chất

(2 tín chỉ)

Sinh viên làm quen với các bài khóa từ 100 từ trở lên về chuyên ngành Thể dục thể thao, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên biết cách giải thích, biện luận đơn giản. Sinh viên biết hòa hợp giữa chủ từ và động từ, chia động từ ở thì quá khứ. Sinh viên đạt trình độ A2 của chuẩn Châu Âu.

9.10. Xác suất thống kê B

(2 tín chỉ)

Nội dung cụ thể của môn học gồm hai phần chính: phần xác suất và phần thống kê. Phần xác suất cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố, các phương pháp tính xác suất, biến ngẫu nhiên và các phân phối của nó, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối thường gặp trong thực tế. Phần thống kê toán học giới thiệu cho sinh viên về lý thuyết mẫu, các đặc trưng mẫu, các bài toán cơ bản của thống kê và cách giải quyết các bài toán này như bài toán ước lượng khoảng, bài toán kiểm định giả thiết, bài toán tương quan và hồi quy...

9.11. Tin học đại cương

(2 tín chỉ)

Phần lý thuyết: Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản: thông tin, tin học, máy tính điện tử, hệ điều hành, các loại phần mềm thông dụng, mạng máy tính, Internet. Những kiến thức về phần mềm xử lý văn bản word, phần mềm bảng tính excel, phần mềm trình diễn power point.

Phần thực hành: Sinh viên được hướng dẫn thực hiện các thao tác cơ bản trên hệ điều hành window, word, excel, power point và ứng dụng nó để giải quyết các công việc soạn giáo án, lập bảng điểm, soạn bài giảng điện tử phục vụ cho công tác giảng dạy.

9.12. Sinh hoá thể dục thể thao

(2 tín chỉ)

Nội dung trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu trúc, vai trò, sự trao đổi các chất đường, đạm, mỡ, các chất khoáng, men, Vitamin và hooc môn trong cơ thể, cấu trúc hoá học của cơ, xương, cơ chế hoá học của sự co cơ và quá trình tạo năng lượng trong cơ thể khi hoạt động TĐTT.

9.13. Cơ sinh học thể dục thể thao

(2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên có những hiểu biết cần thiết về nguyên lý, kỹ thuật các môn thể thao được xây dựng tuân theo một số nguyên tắc, định luật Cơ học nhất định. Từ đó giúp cho sinh viên khi trở thành người giáo viên có thể chủ động chọn lựa, soạn thảo các động tác, bài tập dạy cho học sinh.

9.14 .Giáo dục quốc phòng – an ninh

(135 tiết)

Gồm 3 học phần:

*** Học phần I: 45 tiết**

Đường lối quân sự Việt Nam đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: Những vấn đề cơ bản Học thuyết Mac – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

*** Học phần II: 45 tiết**

Công tác quốc phòng, an ninh được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập về một số vấn đề dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

*** Học phần III: 45 tiết**

Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41, đặc điểm, tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hoá học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh, thuốc nổ, phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương và giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

9.15. Tâm lý học đại cương

(2 tín chỉ)

Cung cấp những nội dung cơ bản khái quát về tâm lý học đại cương, tạo cơ sở cho việc tiếp thu các học phần khác về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, các

học phần giáo dục, các học phần về nghiệp vụ sư phạm. Bước đầu hình thành kỹ năng nghiên cứu tâm lý người

9.16. Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm **(3 tín chỉ)**

Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm: Lý luận chung về sự phát triển tâm lý người theo các lứa tuổi, các giai đoạn, thời kỳ phát triển tâm lý con người, trong đó đi sâu vào đặc điểm tâm lý học sinh THCS. Trình bày các nội dung cơ bản về tâm lý học của hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và người thầy giáo THCS.

9.17. Giáo dục học đại cương **(2 tín chỉ)**

Cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản, đại cương về giáo dục học: các khái niệm, các phạm trù, các nguyên tắc và các phương pháp cơ bản của giáo dục học, làm cơ sở cho việc tiếp thu các học phần hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm.

9.18. Hoạt động dạy học ở trường THCS **(2 tín chỉ)**

Cung cấp những khái niệm, phạm trù cơ bản của lý luận dạy học đại cương, các đặc điểm cơ bản của các hoạt động dạy học ở trường THCS, giúp sinh viên có kỹ năng vận dụng những kiến thức lý luận dạy học vào việc rèn luyện kỹ năng dạy học ở trường THCS, vận dụng vào việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức và phương tiện dạy học ở trường THCS.

9.19. Hoạt động giáo dục ở trường THCS **(2 tín chỉ)**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình, nguyên tắc và phương pháp giáo dục cũng như những kiến thức về việc tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường THCS, các kỹ năng tổ chức, triển khai, đánh giá, kết hợp các hoạt động giáo dục ở trường THCS.

9.20 .Công tác Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh **(2 tín chỉ)**

Cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, công tác phụ trách đội, Tổng phụ trách.

9.21. Giải phẫu học TDTT **(2 tín chỉ)**

Học phần giúp cho sinh viên có những kiến thức về hình thái, cấu tạo các hệ cơ quan trong cơ thể, sự khác nhau về cấu tạo của các cơ quan ở các lứa tuổi và giới tính, sự ảnh hưởng của tập luyện TDTT đến các cơ quan, đặc biệt là hệ vận động.

9.22. Sinh lý học TDTT **(3 tín chỉ)**

Sinh lý học Thể dục thể thao được hình thành như một phân ngành của sinh lý người. Những cơ sở sinh lý của các hệ cơ quan và cơ quan trong cơ thể người khi hoạt động thể dục thể thao, những cơ chế sinh lý của việc hình thành kỹ năng, kỹ xảo và phát triển các tố chất vận động, sự tác động qua lại giữa các hệ cơ quan với tập luyện thể dục thể thao, tăng cường được khả năng thích nghi của chúng với những điều kiện sống khác nhau. Tập luyện thể dục thể thao có những đòi hỏi rất cao đối với cơ thể con người, vì vậy, để tổ chức và tiến hành tập luyện hợp lý và có hiệu quả cần phải hiểu rõ tác động của sự luyện tập ấy đối với các quá trình sinh lý xảy ra trong cơ thể người tập ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ.

9.23. Vệ sinh và Y học TDTT *(2 tín chỉ)*

Giới thiệu cho sinh viên hiểu biết những kiến thức cơ bản nhất về Y học và Vệ sinh học trong tập luyện, kiểm tra hình thái, các chức năng và các hoạt động để tăng cường sức khoẻ, thể lực cũng như phòng tránh, khắc phục một số hiện tượng gặp trong hoạt động TDTT.

9.24. Tâm lý học TDTT *(2 tín chỉ)*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở tâm lý hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động, những yêu cầu tâm lý trong giảng dạy động tác, giáo dục ý chí, tình cảm, đặc điểm tâm lý trong tập luyện và thi đấu thể thao.

9.25. Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao *(2 tín chỉ)*

Nhằm trang bị cho sinh viên qui trình tiến hành các đề tài NCKH, cách chọn những test đặc trưng của TDTT và cách viết một báo cáo khoa học.

9.26. Đại cương thể dục - Thể dục phát triển chung *(2 tín chỉ)*

Nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm, thuật ngữ, các động tác cơ bản và phương pháp tập luyện thể dục phát triển chung..

9.27. Thể dục thực dụng, thể dục đồng diễn *(2 tín chỉ)*

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm, thuật ngữ, các động tác cơ bản và phương pháp tập luyện thể dục thực dụng, thể dục đồng diễn.

9.28. Bóng rổ *(2 tín chỉ)*

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ, chiến thuật cơ bản của môn Bóng rổ, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu và cách tổ chức, trọng tài bóng rổ.

9.29. Chạy cự ly ngắn, chạy tiếp sức *(2 tín chỉ)*

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý kỹ thuật của hai môn chạy cự ly ngắn và chạy tiếp sức, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu và cách tổ chức, trọng tài.

9.30. Chạy cự ly trung bình, chạy việt dã *(2 tín chỉ)*

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý kỹ thuật của hai môn chạy cự ly trung bình và chạy việt dã, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu và cách tổ chức, trọng tài.

9.31. Nhảy xa *(2 tín chỉ)*

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý kỹ thuật của môn nhảy xa, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu và cách tổ chức, trọng tài.

9.32. Nhảy cao *(2 tín chỉ)*

Nội dung môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý kỹ thuật nhảy cao, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy nhảy cao cho học sinh trung học cơ sở.

9.33. Ném bóng, Đẩy tạ *(2 tín chỉ)*

Nội dung trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý kỹ thuật các môn ném dĩa, kỹ thuật đẩy tạ “Vai và Lung hướng ném”, Ném bóng trúng đích và đi xa, luật thi đấu, tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy môn ném dĩa.

9.34. Đá cầu *(2 tín chỉ)*

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ chiến thuật cơ bản của môn đá cầu, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy môn đá cầu.

9.35. Bóng đá *(2 tín chỉ)*

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ chiến thuật cơ bản của môn bóng đá, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy môn bóng đá.

9.36. Bóng chuyền *(2 tín chỉ)*

Nội dung môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ chiến thuật cơ bản của môn bóng chuyền, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy môn bóng chuyền.

9.37. Cầu lông *(2 tín chỉ)*

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ chiến thuật cơ bản của môn Cầu lông, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy môn Cầu lông.

9.38. Bơi *(2 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ chiến thuật cơ bản của môn Bơi, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy môn Bơi.

9.39. Cờ vua *(2 tín chỉ)*

Nội dung môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn Cờ vua, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy môn Cờ vua.

9.40. Trò Chơi vận động *(2 tín chỉ)*

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cần thiết và những trò chơi cụ thể để phát triển thể lực và tiến hành các giờ dạy thể dục một cách sinh động, hấp dẫn và hiệu quả cao, phương pháp giảng dạy trò chơi vận động.

9.41. Võ Vovinam – Việt võ đạo *(2 tín chỉ)*

Môn võ giúp sinh viên có kiến thức chung về chấn thương thể thao, nhận thức được tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa, tác dụng của luyện tập Vovinam - Việt võ đạo. Võ đạo, tâm đức của người học võ và ý nghĩa của việc tôn sư trọng đạo.

Kỹ thuật cơ bản về tấn pháp, thủ pháp và cước pháp – Đòn thế tấn công và tự vệ, một số bài quyền pháp.

9.42. Bóng ném *(2 tín chỉ)*

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ chiến thuật cơ bản của môn bóng ném, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy môn bóng ném.

9.43. Bóng bàn

(2 tín chỉ)

Nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ chiến thuật cơ bản của môn bóng bàn, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy môn bóng bàn.

9.44. Chạy cự ly ngắn

(4 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết sâu sắc về lợi ích, tác dụng, nguyên lý, kỹ thuật nâng cao, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy, huấn luyện, chỉ đạo thi đấu chạy cự ly ngắn, đạt đẳng cấp VĐV cấp 3 trở lên.

9.45. Chạy cự ly Trung bình

(4 tín chỉ)

Đây là môn học chuyên chọn giúp cho sinh viên hiểu biết sâu sắc về lợi ích, tác dụng, nguyên lý, kỹ thuật nâng cao, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy, huấn luyện, chỉ đạo thi đấu chạy cự ly trung bình, đạt đẳng cấp VĐV cấp 3 trở lên.

9.46. Nhảy cao:

(4 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết sâu sắc về lợi ích, tác dụng, nguyên lý, kỹ thuật nâng cao nhảy cao, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy và huấn luyện nhảy cao, đặc biệt là kiểu nhảy cao hiện đại “Lung qua xà”, đạt đẳng cấp VĐV cấp 3 trở lên

9.47. Nhảy xa

(4 tín chỉ)

Môn học nâng cao giúp cho sinh viên hiểu biết sâu sắc về lợi ích, tác dụng, nguyên lý, kỹ thuật nâng cao, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy, huấn luyện, chỉ đạo thi đấu nhảy xa kiểu Uỡn thân, đạt đẳng cấp VĐV cấp 3 trở lên.

9.48. Cầu lông

(4 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết sâu sắc về lợi ích, tác dụng, nguyên lý, kỹ thuật nâng cao, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy và huấn luyện Cầu lông, đặc biệt là biết chỉ đạo thi đấu Cầu lông.

9.49. Bóng chuyền

(4 tín chỉ)

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết sâu sắc về lợi ích, tác dụng, nguyên lý, kỹ thuật nâng cao, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy và huấn luyện Bóng chuyền, đặc biệt là biết chỉ đạo thi đấu Bóng chuyền.

9.50. Bóng đá

(4 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết sâu sắc về lợi ích, tác dụng, nguyên lý, kỹ thuật nâng cao, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy và huấn luyện Bóng đá, đặc biệt là biết chỉ đạo thi đấu Bóng đá.

9.51. Bóng bàn

(4 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ chiến thuật nâng cao của môn bóng bàn, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài, phương pháp giảng dạy và chỉ đạo thi đấu môn bóng bàn.

9.52. Võ Vovinam – Việt võ đạo (4 tín chỉ)

Môn võ nói lên được tinh thần ý chí và võ đạo của người Việt Nam, qua đó tiếp tục giúp sinh viên nâng cao nhận thức được tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa, tác dụng của luyện tập Vovinam - Việt võ đạo. Võ đạo, tâm đức của người học võ và ý nghĩa của việc tôn sư trọng đạo của người Việt Nam. Đòn thế tấn công và tự vệ, một số bài quyền pháp nâng cao, các đòn chân tấn công, biết sử dụng một số võ khí.

9.53, 9.54. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 1 và 2 (4 tín chỉ)

Lý luận phương pháp giáo dục thể chất là một môn khoa học nghiên cứu những quy luật và những cơ sở chung nhất về phương pháp trong lĩnh vực thể dục thể thao. Trước hết và chủ yếu là những vấn đề về nguồn gốc, bản chất, các khái niệm cơ bản, cấu trúc, chức năng, mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc phát triển chung và thể chế của nền thể dục thể thao nước ta cùng các cơ sở chung về dạy học động tác, rèn luyện phát triển các tố chất vận động, qua đó vận dụng vào tập luyện, hướng dẫn, giảng dạy và huấn luyện thể dục thể thao sau khi ra trường. Đây là môn học cơ sở, chủ yếu trong chương trình đào tạo ở tất cả các bậc học từ trung học đến cao học và tiến sĩ chuyên ngành TDTT và cũng là môn thi quốc gia chính cho các cấp học trong lĩnh vực này.

9.55. Rèn luyện nghiệp vụ Giáo dục thể chất (2 tín chỉ)

Củng cố, hệ thống hoá những kiến thức đã học ở tất cả các học phần tâm lý học, giáo dục học, rèn luyện các kỹ năng cụ thể của dạy học, của giáo dục, kỹ năng tự học, tự bồi dưỡng, góp phần hình thành trình độ nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Chuẩn bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản, cần thiết cho các hoạt động dạy học, giáo dục trong các đợt thực tập sư phạm.

9.56. Thực tập sư phạm 1 (2 tín chỉ)

Củng cố và khắc sâu các học phần tâm lý học, giáo dục học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các tình huống sư phạm, tìm hiểu tình hình giáo dục ở trường THCS, tập làm công tác dạy học, công tác chủ nhiệm lớp, triển khai bài tập thực hành Tâm lý giáo dục.

9.57. Thực tập sư phạm 2 (4 tín chỉ)

Nhằm củng cố và nâng cao các kiến thức lý thuyết về chuyên môn nghiệp vụ trong các lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn, vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong oạt động dạy học và giáo dục học sinh, tiếp tục rèn luyện kỹ năng dạy học, giáo dục, kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục.

9.58. Khoá luận tốt nghiệp (5 tín chỉ)

Sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên ngành để giải quyết một vấn đề hay một chuyên đề dưới dạng đề tài khoa học.

9.59. Olympic học và Quản lý chuyên ngành TDTT (HP thay thế KLTN)

(3 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên hiểu rõ được lịch sử, phong trào Olympic trên thế giới cũng như ở Việt Nam, những vấn đề trong phong trào Olympic, các kỳ đại hội và các ngôi sao, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về Olympic từ đó thể hiện tinh thần thượng võ của Olympic.

Xã hội hoá thể dục thể thao, phương pháp xây dựng một đề án phát triển cũng như sự điều khiển học trong thể dục thể thao cùng hiểu biết về thị trường và ý nghĩa kinh tế của thể dục thể thao giúp sinh viên có thể vận dụng sáng tạo trong việc phát triển thể thao thành tích cao cũng như phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng nói chung và phong trào thể dục thể thao trường học nói riêng nhằm nâng cao thành tích, phát hiện nhân tài thể dục thể thao trường học, củng cố và phát triển sức khoẻ cho cộng đồng và học sinh trong nhà trường.

9.60. Thể dục nhịp điệu (HP thay thế KLTN) (2 tín chỉ)

Giúp sinh viên hiểu biết sâu sắc về lợi ích, tác dụng, phương pháp tập luyện, phương pháp giảng dạy môn thể dục nhịp điệu ở trường phổ thông, rèn luyện, phối hợp hoạt động trong môi trường yếm khí và ưa khí khi hoạt động thể lực của cơ thể.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần giảng dạy
1	Nguyễn Xuân Thương	1965	Thạc Sĩ, Giáo dục thể chất	Sinh lý TDDT, Lý luận và PP GDTC
2	Lê Văn Đương	1962	CN Giáo dục thể chất	Cầu lông, Bóng chuyền
3	Trần Ngọc Huy	1965	CN Giáo dục thể chất	Vệ sinh và Y học TDDT, Giải phẫu
4	Hồ Văn Cường	1965	CN Giáo dục thể chất	Sinh hoá TDDT, Tâm lý TDDT
5	Tạ Thị Minh Châu	1968	CN Giáo dục thể chất	Thể dục, Điền kinh
6	Nguyễn Văn Trương	1975	CN Giáo dục thể chất	Điền kinh, TCVD
7	Dương Lê Bình	1978	CN Giáo dục thể chất	Bóng đá, Đá cầu, Sinh cơ
8	Nguyễn Ngọc Chung	1986	Thạc Sĩ Giáo dục thể chất	Bóng đá, Điền kinh
9	Nguyễn Hoàng Duy	1986	CN GDTC - GDQP	GDQP, Điền kinh
10	Võ Duy Quân	1986	CN Giáo dục thể chất	Bóng chuyền, Thể dục
11	Lê Phương Đảo	1988	CN Giáo dục thể chất	Điền kinh, Thể dục
12	Trần Thị Thuý Quỳnh	1988	CN GDTC-GDQP	GDQP, Thể dục
13	Nguyễn Ngọc Cang	1989	CN Giáo dục thể chất	Bóng chuyền, Võ

14	Trần Đức Thịnh	1962	CN Toán	Xác suất thống kê
15	Lương Đình Hoè	1955	Thạc Sĩ CNXHKKH	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN
16	Trần Công Lượng	1964	Thạc Sĩ CNXHKKH	Tư tưởng Hồ Chí Minh
17	Trần Thị Mai Đào	1972	Tiến Sĩ	Tiếng Anh
18	Nguyễn Thị Kim Anh	1966	Thạc Sĩ Triết học	Những nguyên lý cơ bản của CN MLN
19	Bùi Văn Long	1959	Công tác Đội	Công tác đội
20	Nguyễn Đăng Động	1960	Thạc Sĩ Tâm lý	Tâm lý học
21	Nguyễn Lập	1970	Thạc Sĩ Giáo dục	Giáo dục học
22	Huỳnh Thị Kim Hoa	1962	Thạc Sĩ	Pháp luật đại cương
23	Nguyễn Thị Thu Biên	1982	Thạc Sĩ	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GD và ĐT

10.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần sẽ giảng dạy
1	Trương Quang An	1958	CN GDTC Võ Sư	Võ

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

11.1. Sân bãi, dụng cụ

- Sân bãi:

- + 01 Sân Bóng đá ,
- + 02 sân Bóng chuyền
- + 01 sân Bóng rổ
- + 04 sân Cầu lông trong nhà và nhiều sân cầu lông ngoài trời
- +Nhiều sân tập các môn Thể dục.
- + 01 Đường chạy cự ly ngắn (04 ô chạy) và chạy cự ly trung bình
- + 02 Hồ nhảy xa
- + 02 sân Đẩy tạ

- Dụng cụ: Kho với dụng cụ đầy đủ để phục vụ giảng dạy các môn Bóng, Điền kinh, Thể dục, Cầu lông.

11.2. Thư viện

Được trang bị đầy đủ các đầu sách để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu của sinh viên (được ghi trong phần tài liệu tham khảo của đề cương chi tiết học phần)

11.3. Giáo trình, bài giảng

TT	TÊN GT, BG	NHÀ XUẤT BẢN	TÁC GIẢ
1	Sinh hoá TĐTT	TĐTT; Hà Nội 1997	V.V.MENSICOP N.I.VOLCOP Dịch:Lê Quý Phụng
2	Sinh hoá Thể thao	TĐTT; Hà Nội 2009	Huỳnh Trọng Khải
3	Giáo trình Hoá sinh học TĐTT	ĐHSP Hà nội	ĐHSP Hà nội
4	Giáo trình Sinh cơ học thể thao	TĐTT; Hà Nội 2007	Trịnh Hùng Thanh
5	Giáo trình Sinh cơ học các chuyển động TT – Trường ĐH TĐTT I	TĐTT	Đại học TĐTT I
6	Giáo trình Bơi Éch	TĐTT, 2005	Nguyễn Thành Sơn
7	Sinh cơ học các chuyển động va chạm.	TĐTT Moxkva 1997	Dịch:Lê Quý Phụng
8	Giáo trình thống kê	TĐTT, 2010	Huỳnh Trọng Khải ĐỖ Vĩnh
9	Giáo trình Thể dục	ĐHSP, 2003	Trương Anh Tuấn
10	Giáo trình Điền Kinh	ĐHSP, 2003	Nguyễn Đình Cường
11	Giáo trình Điền kinh trường ĐH TĐTT I	TĐTT – 1996	Tập thể tác giả .
12	Tìm hiểu Điền kinh thế giới	TĐTT – 2002	Nguyễn Quang Hưng
13	Giáo trình trình Thể dục thực dụng, Thể dục đồng diễn	ĐHSP, 2003	Bộ GD&ĐT.
14	Giáo trình Bóng đá	ĐHSP, 2004	Phạm Quang
15	Lý luận và phương pháp giáo dục TĐTT trong nhà trường	TĐTT, 2010	Trịnh Trung Hiếu
16	Bơi lội - lý thuyết và phương pháp giảng dạy	TĐTT	Đại học TĐTT I
17	Giáo trình Bơi lội	ĐHSP 2004	Nguyễn Văn Trạch
18	Ném bóng – Đẩy tạ	Ném bóng – Đẩy tạ	Nguyễn Quang Hưng Nguyễn Thế Xuân
19	Giáo trình Tâm lý học TĐTT	ĐHSP, 2003	Lê Văn Xem
20	Luật Bóng chuyền	TĐTT, 1997	

21	Tâm lý học TDTT	Giáo Dục	Lê Văn Vĩnh
22	Thể dục đông diễn	TDTT, 1988	A. N. Vaxuchin
23	Giáo trình Điền kinh	TDTT, 2007	Đàm Thị Hậu Trương Thanh Bình
24	Giáo trình lý thuyết Điền kinh	TDTT	CĐSP TDTT
25	Nhảy xa	TDTT	CĐSP TDTT
26	Võ Vovinam - Việt võ đạo	TDTT	Trương Quang An
27	Điền kinh trong trường phổ thông	TDTT	P.N.GôiKhoman ; Ô.P.Torôphimôp
28	Giáo trình Bóng Ném	ĐHSP 2004	Nguyễn Hùng Quân
29	Luật điền kinh	TDTT, 2007	Ủy Ban TDTT
30	Chạy cự ly ngắn	Giáo dục – 1998	Tập thể tác giả
31	Giáo trình Điền kinh trường ĐHTDTT I	TDTT – 2000	Tập thể tác giả
32	Chạy cự ly ngắn	TDTT – 2002	Nguyễn Quang Hưng Nguyễn Đại Dương Luu Quang Hiệp
33	Giáo trình Bóng chuyên	ĐHSP, 2003	Nguyễn Việt Minh Hồ Đắc Sơn
34	Luật bóng chuyên	TDTT – 1992.	Tổng cục TDTT
35	Xác suất thống kê	ĐHSP 2005	Phạm Văn Kiều
36	Luật Cầu lông	TDTT, 1996	Tổng cục TDTT
37	Giáo trình Cầu lông ĐHTDTT	TDTT 1998	Tập thể tác giả
38	Giáo trình Cầu lông	ĐHSP, 2003	Trần Văn Vinh
39	Giáo trình Lý luận và phương pháp TDTT	TDTT	Vũ Đức Thu Trương Anh Tuấn
40	Lý luận và phương pháp GDTC	TDTT	Asmarin V.A
41	Lý luận và phương pháp GDTC.	TDTT	ĐH Sư phạm TDTT TP Hồ Chí Minh
42	Lý Luận và phương pháp TDTT	TDTT, 2006	Nguyễn Toán. Phạm Danh Tôn.
43	Giáo trình Bóng rổ	ĐHSP . 2004	Nguyễn Hữu Bằng
44	Giáo trình Bóng rổ ĐHTDTT	TDTT. 1975	Tập thể tác giả
45	Học thuyết huấn luyện	TDTT 1996.	Harre.D

46	Luật Bóng Rổ	TDTT 2005	Ủy Ban TDTT
47	Giáo trình Hoá sinh học TDTT	ĐHSP 2007	Vũ Thị Thanh Bình
48	Giáo trình Giải phẫu học TDTT	ĐHSP 2003	Quách Văn Tĩnh
49	Phương pháp Nghiên cứu khoa học TDTT	ĐHSP – 2005	Vũ Đức Thu Vũ Thị Thanh Bình
50	Phương pháp NCKH TDTT	TDTT, 2005	Huỳnh Trọng Khải
51	Giáo trình Bóng bàn	ĐHSP 2004	Vũ Thành Sơn
52	Toán xác suất thống kê TDTT	TDTT. 2005	Nguyễn Đức Văn
53	Giáo trình Điền kinh	TDTT	ĐH Sư phạm TDTT TP Hồ Chí Minh
54	Những yếu tố chiến thuật của Cầu lông nâng cao	TDTT. Hà Nội 1995.	Nguyễn Văn Vinh
55	Giáo trình Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	TDTT	Nguyễn Mậu Loan
56	Giáo trình Cầu lông	TDTT	ĐHSP Hà Nội
57	Tuyển tập Nghiên cứu khoa học Giáo dục thể chất, sức khỏe trong trường học các cấp	TDTT, 2001	Vũ Đức Thu Nguyễn Kỳ Anh Lê Văn Lắm
58	Các bài tập chiến thuật Bóng chuyền	TDTT 2008.	Đại học TDTT I
59	Bóng chuyền dành cho sinh viên TDTT	TDTT	ĐH TDTT I
60	Sinh lý học Thể dục thể thao	TDTT, 2006	Lưu Quang Hiệp Phạm Thị Uyên
61	Sinh lý học Thể dục thể thao	TDTT, 2009	Nguyễn Thị Cà Trần Thị Tường Thọ Huỳnh Trung Hiếu Lâm Tấn Văn
62	Olympic học	TDTT, 2001	Mai Văn Muôn Lý Gia Thanh Nguyễn Hồng Minh Lý Đức Thuỳ
63	Quản lý chuyên ngành TDTT	TDTT, 2003	Phạm Đình Bẩm

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình được xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ GD & ĐT có bổ sung khối kiến thức chuyên ngành Giáo dục thể chất theo hướng giảm tải một số nội dung lý thuyết, tăng cường nội dung thực hành và làm cơ sở cho sinh viên sau này học liên thông lên trình độ đại học.

Sinh viên phải tích lũy đủ 114 tín chỉ, trong đó có 106 tín chỉ bắt buộc và 8 tín chỉ tự chọn sẽ được làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học hai học phần thay thế.

Những sinh viên giỏi có thể học vượt và hoàn thành chương trình trong 2 năm.

Cơ sở sắp xếp các môn học dựa vào điều kiện tiên quyết.

Giảng viên giảng dạy học phần của môn học phải giới thiệu cho sinh viên giáo trình chính của học phần đó và các tài liệu tham khảo.

HIỆU TRƯỞNG